

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		499,722,601,182	450,377,560,503
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		217,336,029,919	97,094,853,557
1. Tiền	111	V.1	142,110,186,055	77,094,853,557
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	75,225,843,864	20,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,879,992,800	2,386,660,700
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3,944,000,000	3,944,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1,064,007,200)	(1,557,339,300)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122,206,659,473	116,101,928,518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	100,461,204,981	101,691,025,673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16,833,949,258	12,562,321,890
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3,413,953,964	3,413,953,964
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4,182,269,245	1,119,344,966
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2,684,717,975)	(2,684,717,975)
IV. Hàng tồn kho	140		137,191,965,903	214,617,801,926
1. Hàng tồn kho	141	V.6	138,708,858,415	217,611,677,436
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,516,892,512)	(2,993,875,510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20,107,953,087	20,176,315,802
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	555,222,332	1,807,000,362
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22,817,090	7,400,000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		32,072,225	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		19,497,841,440	18,361,915,440
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		525,768,572,555	495,532,097,653
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		51,398,305,434	53,656,421,528
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	45,795,018,432	47,689,301,193
- Nguyên giá	222		89,620,626,256	89,620,626,256
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43,825,607,824)	(41,931,325,063)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9	5,603,287,002	5,967,120,335
- Nguyên giá	228		10,751,787,000	10,751,787,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,148,499,998)	(4,784,666,665)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		58,678,765,563	26,820,163,405
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241	V.7	58,678,765,563	26,820,163,405

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		415,691,501,558	415,031,287,720
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	37,033,188,000	37,033,188,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	370,360,233,558	369,700,019,720
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	8,298,080,000	8,298,080,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			24,225,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			24,225,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,025,491,173,737	945,909,658,156
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		260,481,786,588	194,433,334,591
I. Nợ ngắn hạn	310		243,749,103,150	193,448,784,316
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	67,492,259,981	89,104,414,964
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,498,753,867	17,338,581,655
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1,843,211,858	2,191,691,929
4. Phải trả người lao động	314		20,769,066,745	31,090,139,221
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	295,558,428	530,643,428
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	11,822,439,070	11,604,016,177
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	122,137,471,300	24,044,000,000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15,890,341,901	17,545,296,942
II. Nợ dài hạn	330		16,732,683,438	984,550,275
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	984,550,275	984,550,275
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		15,748,133,163	

CÔNG TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị : VND

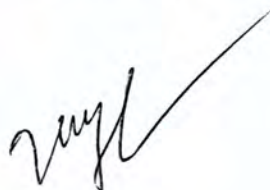
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		765,009,387,149	751,476,323,565
I. Vốn chủ sở hữu	410		765,009,387,149	751,476,323,565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	331,245,527,850	331,245,527,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			0
5. Cổ phiếu quỹ	415			0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	140,402,261,406	140,402,261,406
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	140,411,597,893	126,878,534,309
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		103,696,034,309	126,878,534,309
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36,715,563,584	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,025,491,173,737	945,909,658,156

Lập ngày 14 tháng 04 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Như Quỳnh



Phan Thế Tý



Trần Kim Liên

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

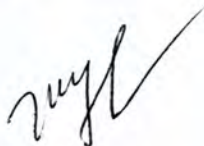
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	191,960,060,180	168,840,205,933	191,960,060,180	168,840,205,933
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	17,675,579,865	5,987,813,700	17,675,579,865	5,987,813,700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		174,284,480,315	162,852,392,233	174,284,480,315	162,852,392,233
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	114,315,110,973	109,114,505,355	114,315,110,973	109,114,505,355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59,969,369,342	53,737,886,878	59,969,369,342	53,737,886,878
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7,448,151,013	906,337,073	7,448,151,013	906,337,073
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	620,449,485	(93,333,100)	620,449,485	(93,333,100)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		317,424,039	-	317,424,039	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	14,598,424,901	15,365,586,395	14,598,424,901	15,365,586,395
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	14,569,615,883	12,348,645,315	14,569,615,883	12,348,645,315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37,629,030,086	27,023,325,341	37,629,030,086	27,023,325,341
11. Thu nhập khác	31	VI.6	104,109,351	238,688,883	104,109,351	238,688,883
12. Chi phí khác	32			83,396,504	-	83,396,504
13. Lợi nhuận khác	40		104,109,351	155,292,379	104,109,351	155,292,379
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37,733,139,437	27,178,617,720	37,733,139,437	27,178,617,720
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1,017,575,853	148,235,686	1,017,575,853	148,235,686
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36,715,563,584	27,030,382,034	36,715,563,584	27,030,382,034

Lập ngày 14 tháng 04 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31/03/2015

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		161,471,398,963	179,395,186,026
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(172,877,162,359)	(95,430,515,107)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27,733,124,122)	(18,876,596,762)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(318,174,039)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(190,315,059)	(478,423,233)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,024,480,742	3,647,071,865
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		90,788,093,990	(38,623,851,855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52,165,198,116	29,632,870,934
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(28,808,579,173)	(3,068,142,000)
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(660,213,838)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,645,666,794	503,005,561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22,823,126,217)	(2,565,136,439)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31			
2. Tiền trả lại v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	137,885,604,463	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(24,044,000,000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22,942,500,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		90,899,104,463	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		120,241,176,362	27,067,734,495
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		97,094,853,557	53,318,123,331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		217,336,029,919	80,385,857,826

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 14 tháng 04 năm 2015



Trần Kim Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014 và thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngày 04/11/2014, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu : Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lượ động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
 - **Danh sách các công ty con :**
 - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
 - Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam
 - **Danh sách công ty liên kết**
 - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.
 - Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:
 - Chi nhánh Miền Trung
 - Chi nhánh Thái Bình
 - Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
 - Chi nhánh Thanh Hóa
 - Xí nghiệp Đồng Văn
 - Xí nghiệp Ba Vi
 - Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ
 - Trại thực nghiệm Khoái Châu
 - Nhà máy chế biến Thường Tín
 - Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.
7. **Thông tin trên Báo cáo tài chính có khả năng so sánh với số cùng kỳ năm trước.**

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
2. Tuyên bố về việc tuân thủ : Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bản Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan để đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.
- Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.
- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

➤ Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

➤ Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

➤ Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

18. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ *Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ trở đi 3 đạt 70% tổng doanh thu.

Năm 2015 là năm thứ 5 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 22% (thay đổi từ ngày 01/1/2014).

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/03/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	6,887,124,901	7,381,330,681
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	135,223,061,154	69,713,522,876
Tiền đang chuyển		
Cộng	142,110,186,055	77,094,853,557

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh.**

	31/03/2015 (VND)			01/01/2015 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	3,944,000,000	2,879,992,800	(1,064,007,200)	3,944,000,000	2,386,660,700	(1,557,339,300)
Công ty CP càng rau quả (VGP)	3,944,000,000	2,879,992,800	(1,064,007,200)	3,944,000,000	2,386,660,700	(1,557,339,300)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	75,225,843,864	75,225,843,864	20,000,000,000	20,000,000,000
Trái phiếu				

Các khoản đầu tư khác

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	31/03/2015		01/01/2015	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608	53.80%	30,608	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	420,860	84.17%	420,860	84.17%
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	6,008,930	40.1%	5,996,940	40.0%
3 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần GCT Thái Bình	62,126	6.24%	62,126	6.24%

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

	31/03/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1 Đầu tư vào công ty con	37,033,188,000			37,033,188,000		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608,000,000			30,608,000,000		
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	6,425,188,000			6,425,188,000		
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	370,360,233,558			370,360,233,558		
3 Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Giống cây trồng Thái Bình	8,298,080,000			8,298,080,000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

3. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng ngắn hạn (chi tiết 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)**

	31/03/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Phải thu của khách hàng	100,461,204,981	101,691,025,673

Số dư nợ phải thu của khách hàng ngắn hạn không có khoản phải thu nào vượt qua 2% trên tổng phải thu khách hàng.

4. Phải thu khác

	31/03/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác trong đó :	4,182,269,245		1,119,344,966	
Dự án Japonica	1,974,370,270			
Phải thu khác	2,207,898,975			

5. Nợ xấu

	31/03/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá trị	Giá trị có thẻ thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn	2,684,717,975	-	2,684,717,975	-
- Công ty TNHH Hải Anh	2,624,129,975	0	2,624,129,975	0
- Khách hàng khác	60,588,000	0	60,588,000	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

6. Hàng tồn kho

	31.03.2015 (VND)		01.01.2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17,337,561,838		18,970,670,649	
Công cụ, dụng cụ	19,129,800		9,685,500	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,369,773,409		921,085,147	
Thành phẩm	112,270,649,368	(1,516,892,512)	168,000,049,237	(2,993,875,510)
Hàng hoá	7,711,744,000		29,710,186,903	
Cộng	138,708,858,415	(1,516,892,512)	217,611,677,436	(2,993,875,510)

7. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tổng số chi phí XD CB dở dang, trong đó:		
Dự án xây dựng nhà Phương Mai	2,113,446,664	2,113,446,664
Kho DTQG	3,517,687,000	3,466,687,000
Dự án xây dựng nhà làm việc	28,692,395,741	14,354,709,741
Dự án Đồng Văn	23,920,945,158	6,451,029,000
Công trình khác	434,291,000	434,291,000
Cộng	58,678,765,563	26,820,163,405

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	45,335,605,388	29,432,697,145	14,151,760,723	700,563,000	89,620,626,256
2. Tăng, giảm trong năm					
-Mua trong năm					0
-Đầu tư XDCB hoàn thành					0
-Tăng khác					0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
3. Số cuối năm	45,335,605,388	29,432,697,145	14,151,760,723	700,563,000	89,620,626,256
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	16,200,436,775	18,653,983,478	6,504,445,615	572,459,195	41,931,325,063
2. Tăng, giảm trong năm	645,502,407	903,614,172	329,447,982	15,718,200	1,894,282,761
-Khấu hao trong năm	645,502,407	903,614,172	329,447,982	15,718,200	1,894,282,761
-Tăng khác					0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
3. Số cuối kỳ	16,845,939,182	19,557,597,650	6,833,893,597	588,177,395	43,825,607,824
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	29,135,168,613	10,778,713,667	7,647,315,108	128,103,805	47,689,301,193
2. Tại ngày cuối năm	28,489,666,206	9,875,099,495	7,317,867,126	112,385,605	45,795,018,432

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 12,616,125,694 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	Tổng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	2,395,787,000	8,285,000,000	71,000,000	10,751,787,000
2. Tăng trong kỳ				
-Mua trong năm				
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				
-Tăng khác				
-Thanh lý, nhượng bán				
-Giảm khác				
3. Số dư cuối kỳ	2,395,787,000	8,285,000,000	71,000,000	10,751,787,000
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	120,000,000	4,593,666,665	71,000,000	4,784,666,665
2. Tăng trong kỳ	0	363,833,333	0	363,833,333
-Khấu hao trong năm		363,833,333		363,833,333
-Tăng khác				-
-Thanh lý, nhượng bán				-
-Giảm khác				-
3. Số dư cuối kỳ	120,000,000	4,957,499,998	71,000,000	5,148,499,998
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	2,275,787,000	3,691,333,335	0	5,967,120,335
2. Tại ngày cuối kỳ	2,275,787,000	3,327,500,002	0	5,603,287,002

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1,691,000,000 đồng

10. Chi phí trả trước

	<u>31/03/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
Công cụ, vật liệu xuất dùng	555,222,332	1,807,000,362
Các khoản khác		
Cộng	<u>555,222,332</u>	<u>1,807,000,362</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

11. Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Ngắn hạn ngân hàng	122,137,471,300	122,137,471,300	146,181,471,300	24,044,000,000	24,044,000,000	24,044,000,000

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

12. Phải trả người bán

	31.03.2015 (VND)		1.1.2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	67,492,259,981	67,492,259,981	89,104,414,964	89,104,414,964
Công ty TNHH giống cây trồng Vạn Xuyên - TQ	24,981,102,378	24,981,102,378	47,018,337,704	47,018,337,704
Công ty TNHH giống cây trồng Thịnh Dự - TQ	5,451,138,000	5,451,138,000	14,153,658,760	14,153,658,760
Phải trả cho các đối tượng khác	37,060,019,603	37,060,019,603	27,932,418,500	27,932,418,500
b Phải trả dài hạn				
Cộng	67,492,259,981	67,492,259,981	89,104,414,964	89,104,414,964

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải thu cuối năm
a Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	86,593,920	79,087,100	147,798,713	17,882,307	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	863,476,262	1,017,575,853	190,315,059	1,690,737,056	
Thuế thu nhập cá nhân	1,087,315,718	1,770,285,643	2,889,673,586		(32,072,225)
Tiền thuế đất, thuế đất	154,306,029	109,000	19,822,534	134,592,495	
Thuế khác		11000000	11000000	-	
Cộng	2,191,691,929	2,878,057,596	3,258,609,892	1,843,211,858	(32,072,225)
b Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	7,400,000	27,828,599	43,245,689		22,817,090
Thuế nhà đất, tiền thuế đất nộp thừa					
Cộng	7,400,000	27,828,599	43,245,689		22,817,090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

14. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2015
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
a Ngắn hạn	295,558,428	530,643,428
Các khoản trích trước khác	295,558,428	530,643,428
b Dài hạn		
Cộng	<u><u>295,558,428</u></u>	<u><u>530,643,428</u></u>

15. Phải trả khác

	31/12/2014	01/01/2015
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
a Ngắn hạn	11,822,439,070	
Kinh phí công đoàn	45,320,090	14,720,000
Bảo hiểm xã hội	383,242,654	9,658,188
Bảo hiểm y tế	22,370,702	
Bảo hiểm thất nghiệp		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Ban quản lý khu công nghiệp	5,063,862,886	5,226,279,093
Các khoản phải trả phải nộp khác	6,307,642,738	6,353,358,896
b Dài hạn	984,550,275	
Phải trả tiền giống gốc	984,550,275	984,550,275
Cộng	<u><u>12,806,989,345</u></u>	<u><u>12,588,566,452</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư ngày tại 01/01/2014	100,298,380,000	54,797,592,850		89,769,343,829	262,128,000	85,678,195,516	330,805,640,195
Lợi nhuận thuần trong năm						121,333,538,099	121,333,538,099
Phát hành cổ phiếu	52,651,620,000	276,447,935,000					329,099,555,000
Mua cổ phiếu quỹ			(102,270,000)				(102,270,000)
Bán cổ phiếu quỹ			102,270,000				102,270,000
Phân phối vào các quỹ				55,219,988,498		(55,219,988,498)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi						(9,482,794,308)	(9,482,794,308)
Chi cổ tức						(15,029,416,500)	(15,029,416,500)
Sử dụng các quỹ				(4,588,070,921)			(4,588,070,921)
Thù lao HĐQT và BKS						(400,000,000)	(400,000,000)
Tăng khác					5,024,510,000		5,024,510,000
Giảm khác					(5,286,638,000)		(5,286,638,000)
Số dư ngày tại 31/12/2014	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,401,261,406	-	126,879,534,309	751,476,323,565

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư ngày tại 01/01/2015	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,401,261,406	-	126,879,534,309	751,476,323,565
Lợi nhuận thuần trong năm						36,715,563,584	36,715,563,584
Chi cổ tức						(22,942,500,000)	(22,942,500,000)
Thù lao HĐQT và BKS						(240,000,000)	(240,000,000)
							-
							-
							-
Số dư tại ngày cuối kỳ	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,401,261,406	-	140,412,597,893	765,009,387,149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	<u>31/03/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
- Vốn góp của Nhà nước	0	0
- Vốn góp của đối tượng khác	<u>152,950,000,000</u>	<u>152,950,000,000</u>
Cộng	<u>152,950,000,000</u>	<u>152,950,000,000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2015 (VND)	2014 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152,950,000,000	152,950,000,000
+ Vốn góp đầu năm		100,298,380,000
+ Vốn góp tăng trong năm		52,651,620,000
+ Vốn góp giảm trong năm		0
+ Vốn góp cuối năm		152,950,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		15%

d. Cổ phiếu

	<u>31/03/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu phổ thông	15,295,000	15,295,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	Năm 2015	Năm 2014
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014		30%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Quỹ đầu tư phát triển	140,402,261,406	140,402,261,406
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	<u>140,402,261,406</u>	<u>140,402,261,406</u>

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

a. Tài sản nhận giữ hộ : 1,431,386,527 đồng

b. Hàng hóa nhận giữ hộ : 41,117,000,000 đồng

c. Ngoại tệ :

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK
Tại quỹ	21,865	29,401	1,000,000
Tại ngân hàng	35.61	71,532.50	-

d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 208,213,500 đồng

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014</u>
	<u>đến 31/03/2015</u>	<u>đến 31/03/2014</u>
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	191,960,060,180	168,840,205,933
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	<u>191,960,060,180</u>	<u>168,840,205,933</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Chiết khấu thương mại	5,294,212,895	
Giảm giá hàng bán		1,965,600
Hàng bán bị trả lại	12,381,366,970	5,985,848,100
Cộng	17,675,579,865	5,987,813,700

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27,019,542,817	26,748,949,288
Giá vốn của thành phẩm đã bán	88,772,551,154	82,513,548,302
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,476,982,998)	(147,992,235)
Cộng	114,315,110,973	109,114,505,355

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	455,450,732	599,250,322
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6,519,439,000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	473,261,281	307,086,751
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	7,448,151,013	906,337,073

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Lãi tiền vay	317,424,039	
Chiết khấu thanh toán	793,781,008	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2,576,538	
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá các khoản kinh doanh và tổn thất đầu tư	(493,332,100)	(93,333,100)
Chi phí hoạt động tài chính khác		
Cộng	620,449,485	(93,333,100)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản khác	104,109,351	
Cộng	104,109,351	-

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
a. Chi phí quản lý	14,568,805,883	12,348,645,315
Chi phí nhân viên	11,233,657,408	8,186,341,585
Các khoản chi phí QLDN khác	3,335,148,475	4,162,303,730
b. Chi phí bán hàng	14,598,424,901	15,365,586,395.
Chi phí nhân viên	6,108,075,765	4,569,803,262.
Chi phí bao bì, vật liệu		4,632,815,984.
Chi phí vận chuyển	2,855,908,141	1,607,785,104.
Chi khấu hao	1,896,420,640	2,075,554,189.
Các khoản chi phí bán hàng khác	3,738,020,355	2,479,627,856

Công ty thay đổi cách ghi nhận chi phí bao bì đóng gói sản phẩm hàng hóa từ chi phí bán hàng sang chi phí thành của sản phẩm.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120,268,833,941	84,090,524,729
Chi phí nhân công	17,683,496,367	13,729,111,233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,258,116,094	2,423,884,055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,745,719,943	3,452,156,947
Chi phí bằng tiền khác	453,984,085	1,782,457,831
Cộng	145,410,150,430	105,478,134,795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1,690,737,056	2,483,621,251
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	(673,161,203)	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1,017,575,853	2,483,621,251

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

ĐVT : VND

	31/03/2015
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	137,885,604,463
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	31/03/2015
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	24,044,000,000
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Lợi nhuận sau thuế

	Từ 01/10/2014 đến 31/03/2014 (VND)	Từ 01/10/2014 đến 31/03/2014 (VND)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	36,715,563,584	27,030,382,034
Cộng	36,715,563,584	27,030,382,034

Tổng lợi nhuận sau thuế quý 1/2015 là 36.715.563.584 đồng, tăng 35,83% so với quý 1/2014, do quý 1 năm 2014 Công ty nhận được tiền chi cổ tức từ Công ty liên kết và các công ty khác với số tiền 6,519,439,000 đồng dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng như trên.

